

H.L.L.L. 02. L3

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 05 /KH-ĐHSP

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 01 năm 2019

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ NĂM 2019

1/ Dự báo bối cảnh xây dựng kế hoạch

Năm học 2018-2019, Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện đổi mới chương trình đào tạo giáo viên và các Dự án của Chương trình ETEP - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2/ Đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, giảng viên, chuyên viên, kỹ thuật viên của Nhà trường

Tính đến tháng 31/12/2018, Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN có 343 cán bộ viên chức - người lao động, trong đó đội ngũ giảng viên là 240 người, trong đó có: 01 Giáo sư, 16 Phó Giáo sư, 92 tiến sĩ, 148 thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư còn thấp so với tiềm lực của Nhà trường (chỉ chiếm khoảng 7,08% trong tổng số đội ngũ giảng viên); tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm tỉ lệ 38,3% trong tổng số đội ngũ giảng viên.

Đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên phục vụ cơ bản đáp ứng các yêu cầu của công việc của Trường nhưng chưa thể hiện được tính chuyên nghiệp, đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi ngày càng cao của nhiệm vụ đổi mới.

Trình độ tin học, ngoại ngữ của cán bộ, giảng viên còn hạn chế; tốc độ thực hiện chuẩn ngoại ngữ, tin học còn chậm; việc phát triển đội ngũ vẫn thiên về bằng cấp, chất lượng chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục đại học, công tác tổ chức cán bộ thiếu hệ thống văn bản quản lý và thiếu giải pháp chiến lược.

3/ Mục tiêu của kế hoạch.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng đội ngũ, phát triển đội ngũ đi sâu vào thực chất, nâng cao chất lượng chuyên môn đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Coi trọng xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý về chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, đáp ứng yêu cầu mới. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp, chế tài quản lý để thực hiện đúng tiến độ chuẩn ngoại ngữ và tin học đối với cán bộ, giảng viên.

- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tính chuyên nghiệp của các chuyên viên, nhân viên, kỹ thuật viên.

4/ Nội dung kế hoạch phát triển đội ngũ

- Quy hoạch đào tạo phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ (Phụ lục I Đăng ký quy hoạch đào tạo đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ năm 2019)

- Bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
- Nâng cao chất lượng bài giảng theo hướng hiện đại.
- Nâng tầm giảng viên về hiểu biết về phát triển chương trình, năng lực giảng dạy và đánh giá hiện đại, thực sự trở thành các chuyên gia Sư phạm.
- Giáo dục đạo đức, lối sống cho giảng viên.
- Đánh giá, phân loại, sàng lọc và có chính sách bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ giảng viên trong nước và ngoài nước.
- Tuyển dụng có chất lượng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ giảng viên
(Phụ lục 2: Thống kê vị trí việc làm và số lượng người cần tuyển dụng năm 2019)
- Đẩy mạnh tiến độ và chất lượng học ngoại ngữ, tin học.
- Xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu mới và nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ chuyên viên.

5/ Các giải pháp thực hiện

- Thực hiện đúng chế độ chính sách đối với giảng viên và cán bộ.
- Thực hiện các chế tài đối với các cán bộ giảng viên không đạt chuẩn ngoại ngữ, NCKH (Trừ lương tăng thêm, hạ bậc thi đua), có chính sách hỗ trợ và đánh giá thi đua cho các giảng viên vượt chuẩn ngoại ngữ.
- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hồ sơ giảng viên, tăng cường dự giờ. Cử giảng viên tham gia hoạt động thực tế ở trường phổ thông.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo CBVC ở nước ngoài, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ.
- Đề xuất và lập kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý và chuyên viên, chú trọng đặc biệt việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản trị đại học, lý luận chính trị, tin học và ngoại ngữ, xác định cơ cấu giảng viên, chuyên viên trong cơ cấu cán bộ, viên chức.

6/ Dự kiến kết quả đạt được

- Có 05 cán bộ được bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư và 15 cán bộ giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, 100% GV có trình độ từ Thạc sĩ trở lên. Nhà trường tuyển dụng mới và tiếp nhận 05 tiến sĩ tăng cường công tác chuyên môn cho các Khoa; tăng số lượng cán bộ đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.
- Tỷ lệ cán bộ giảng viên đạt chuẩn tin học đạt 80%, ngoại ngữ đạt 70%.
- Có trên 100 lượt cán bộ, giảng viên tham dự các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế.
- Tổ chức và huy động 100% giảng viên quản lý giáo dục chủ chốt, giảng viên sư phạm chủ chốt tham gia các đợt tập huấn bồi dưỡng kiến thức về nâng cao năng lực thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới do Ban Quản lý Chương trình ETEP - Bộ Giáo dục & Đào tạo tổ chức.

DU
TRU
ĐA
SƯ
HỌC

- Cử CBGV tham gia các hóa tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ do Bộ GD&ĐT, Đại học Đà Nẵng và các đơn vị liên quan tổ chức.

7/ Phối hợp các đơn vị thực hiện kế hoạch.

- Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện.

- Các phòng Đào tạo, Khoa học & Hợp tác quốc tế phối hợp thực hiện các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn.

- Phòng Kế hoạch - Tài chính xây dựng dự trù kinh phí để thực hiện kế hoạch.

- Các đơn vị trong Trường phối hợp thực hiện./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

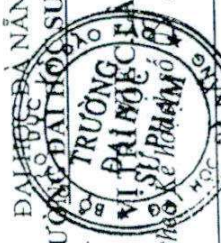
- Các đơn vị (để t/hiện);
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu VT.



PGS.TS. LƯU TRANG



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM VÀ SỞ LƯỢNG NGƯỜI ĐỀ NGHỊ TUYỂN DỤNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 103/QĐ-ĐHSP ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

| TT | Chức danh và công việc cần tuyển dụng (a) | Số lượng người (b) | Tiêu chuẩn ứng viên (c) |
|----|--|-----------------------|--|
| 1 | Khoa Toán | 2 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Đại số và lý thuyết số |
| | Giảng viên | 1 | Tiến sĩ chuyên ngành Hình học |
| | Giảng viên | 1 | Tiến sĩ chuyên ngành Giải tích ứng dụng |
| | Giảng viên | 1 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Xác suất thống kê |
| | Giảng viên | 1 | Tiến sĩ hoặc NCS chuyên ngành LL&PPDH Toán |
| 2 | Khoa Tin học | 5 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành CNTT |
| | Giảng viên | | |
| 3 | Khoa Vật lý | 1 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành LL&PPDH Vật lý |
| | Giảng viên | 1 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Vật lý |
| | Giảng viên HD thực hành | 0 | |
| 4 | Khoa Hóa học | 0 | |
| 5 | Khoa Sinh-MT | 0 | |
| 6 | Khoa Ngữ Văn | 2 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Báo chí học |
| | Giảng viên | 1 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Truyền thông hoặc Quan hệ công chúng |
| 7 | Giảng viên | | |
| | Khoa Lịch sử | 1 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Lịch sử Việt Nam |
| | Giảng viên | 1 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Quan hệ quốc tế hoặc Quốc tế học |
| | Giảng viên | 2 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành về Du lịch |
| | Giảng viên | 1 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành về Văn hóa học, Việt Nam học, Nhân học, Dân tộc học |
| 8 | Khoa Địa lý | 2 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành LL&PPDH Địa lý |
| | Giảng viên | | |



| | | | | |
|----|-------------------------|--|-----------|--|
| | Giảng viên | | 1 | Tiến sĩ chuyên ngành Địa lý học |
| 9 | Khoa Tâm lý giáo dục | | | |
| | Giảng viên | | 1 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Giáo dục học |
| | Giảng viên | | 1 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Công tác xã hội |
| | Giảng viên | | 1 | Tiến sĩ Tâm lý học |
| 10 | Khoa Giáo dục Chính trị | | | |
| | Giảng viên | | 2 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành LL&PPGD Giáo dục Chính trị |
| | Giảng viên | | 1 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Luật học, Luật kinh tế, Luật tố tụng hình sự, Luật hành chính |
| | Giảng viên | | 2 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành LL&PPDH Âm nhạc |
| | Giảng viên | | 2 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành LL&PPDH Mỹ thuật hoặc Mỹ thuật tạo hình |
| 11 | Khoa Giáo dục Tiểu học | | | |
| | Giảng viên | | 2 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Giáo dục Tiểu học (tốt nghiệp đại học Ngoại ngữ) |
| 12 | Khoa Giáo dục Mầm non | | | |
| | Giảng viên | | 1 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Y đa khoa hoặc Điều dưỡng |
| | Giảng viên | | 1 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Văn hóa học (tốt nghiệp đại học chuyên ngành Múa) |
| | Giảng viên | | 2 | Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Giáo dục Mầm non |
| | Tổng cộng | | 40 | |

Danh sách trên có 40 vị trí



| | Tên Nữ Diệu | Hàng | x | 1975 | Khoa Giáo dục MN | PTK | 2015 | 2019 | Đã thôi làm NCS? |
|----|----------------|--------|---|------|------------------|-----|------|------|------------------|
| 52 | Tôn Nữ Diệu | Hàng | x | 1975 | Khoa Giáo dục MN | PTK | 2015 | 2019 | |
| 53 | Phan Thị | Nga | x | 1986 | Khoa Giáo dục MN | GV | 2020 | 2024 | |
| 54 | Lê Thị Thanh | Nhân | x | 1980 | Khoa Giáo dục MN | GV | 2016 | 2020 | |
| 55 | Mai Thị Cẩm | Nhung | x | 1987 | Khoa Giáo dục MN | GV | 2020 | 2024 | |
| 56 | Lê Thị Hoài | Thương | x | 1989 | Khoa Giáo dục MN | GV | 2020 | 2024 | |
| 57 | Trần Hồ | Uyên | x | 1985 | Khoa Giáo dục MN | GV | 2020 | 2024 | |
| 58 | Đào Thị Linh | Giang | x | 1992 | Khoa Giáo dục MN | GV | 2020 | 2024 | |
| 59 | Trần Thị Huyền | Trần | x | 1990 | Khoa Giáo dục MN | GV | 2020 | 2024 | |

Danh sách trên có: 59 người

